

Số: 304/QĐ-MNTTH2

Cử Chi, ngày 05 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai lương và các khoản phụ cấp theo lương tháng 9/2023

TRƯỜNG MẦM NON TÂN THÔNG HỘI 2

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ – CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT – BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài Chính; Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT – BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của bộ phận tài vụ Trường Mầm Non Tân Thông Hội 2.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai lương và các khoản phụ cấp theo lương tháng 09/2023 của Trường Mầm Non Tân Thông Hội 2 (đính kèm bảng lương).

Điều 2: Hình thức niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của đơn vị, trong Hội đồng sư phạm của đơn vị và đồng thời công bố trên trang điện tử <https://mntanthonghoi2.hcm.edu.vn/>.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 4: Ban giám hiệu, các phòng ban có liên quan và CB-GV-CNV Trường Mầm non Tân Thông Hội 2 thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Thu Thủy

Cử Chi, ngày 05 tháng 9 năm 2023

BIÊN BẢN
Về niêm yết công khai công khai lương và
các khoản phụ cấp theo lương tháng 9/2023

Thời gian: Vào lúc 15 giờ 30 phút, ngày 05 tháng 9 năm 2023

Địa điểm: Hội trường, Trường Mầm non Tân Thông Hội 2.

Chủ trì: Bà Lê Thị Thu Thủy - Hiệu trưởng - Trưởng ban.

NỘI DUNG:

1 . Thành phần công khai

- Bà Lê Thị Thu Thủy – Hiệu trưởng
- Bà Lưu Thị Thuý Diễm - Phó hiệu trưởng
- Bà Nguyễn Thị Thuý - Phó hiệu trưởng
- Bà Nguyễn Thị Gấm - Tổ trưởng Khối Mầm
- Bà Nguyễn Thị Hạnh - Tổ trưởng Khối Chồi
- Bà Hà Thị Kiều - Tổ trưởng Khối Lá
- Bà Nguyễn Thái Ngân – Trưởng Ban thanh tra nhân dân
- Bà Châu Mộng Thủy - Tổ trưởng Văn Phòng

2. Nội dung công khai

Căn cứ Quyết định số 304/QĐ-MNTTH2 ngày 05/9/2023 của Trường Mầm non Tân Thông Hội 2 về việc công bố công khai lương và các khoản phụ cấp theo lương tháng 9/2023

Nhà trường thiết lập đầy đủ hồ niêm yết Công khai công khai lương và các khoản phụ cấp theo lương của Trường Mầm non Tân Thông Hội 2 gồm có:

- Bảng lương tháng 9/2023

Thời gian niêm yết: Từ 05/9/2023 đến hết ngày 05/10/2023.

Biên bản kết thúc lúc 16giờ 10phút cùng ngày ./.

THƯ KÝ

Bùi Ngọc Kiều Vân

Bùi Ngọc Kiều Vân



HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Thu Thủy

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG (1.490.000đ)
Tháng 9 Năm 2023

Mẫu số C02a - HD
(Ban hành theo QĐ số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 và
Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài Chính)

Số:
Ngày:
Cơ:

SỐ TT	Mã số công chức viên chức	Họ và tên	Cấp bậc, chức vụ	Mã số ngành lương	Lương base										Nghỉ việc không được hưởng lương	BHXH trả thay lương	Tổng cộng tiền lương và BHXH được hưởng	Các khoản trừ vào lương				Tổng số tiền còn được nhận	KÝ NHẬN
					Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Phụ cấp vượt khung	% PC thâm niên nhà giáo	Phụ cấp thâm niên nhà giáo	PC ưu đãi	PC trách nhiệm	Cộng hệ số	Thành tiền	BHXH				8% BHXH	1,5% BHYT	1% BHTN	Thuế thu nhập	Cộng	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=8+9+10	13	14	15	16	17=12+13+14	18=1-16	G
		BIÊN CHẾ			126,64	2,20	0,00		19,090100	44,481500	0,100000	192,511600	286,842,284			286,842,284	17,633,268	3,306,238	2,204,158		23,143,664	263,698,620	
1		Lê Thị Thu Thủy	Hiệu trưởng	V.07.02.26	4,89	0,50		25%	1,347500	1,886500		8,624000	12,849,760			12,849,760	803,110	150,583	100,389		1,054,082	11,795,678	
2		Lưu Thị Thủy Diễm	Phiệu trưởng	V.07.02.26	4,89	0,35		24%	1,257600	1,834000		8,331600	12,414,084			12,414,084	774,514	145,221	96,814		1,016,550	11,397,534	
3		Nguyễn Thị Thủy	Phiệu trưởng	V.07.02.26	4,89	0,35		26%	1,362400	1,834000		8,436400	12,570,236			12,570,236	787,006	147,564	98,376		1,032,945	11,537,291	
4		Nguyễn Thị Gấm	Tổ trưởng	V.07.02.04	4,65	0,20		21%	1,018500	1,697500		7,566000	11,273,340			11,273,340	699,525	131,161	87,441		918,127	10,355,213	
5		Nguyễn Thị Bích Hạnh	Tổ trưởng	V.07.02.04	3,99	0,20		17%	0,712300	1,466500		6,368800	9,489,512			9,489,512	584,354	109,566	73,044		766,965	8,722,547	
6		Phạm Thủy Ngân	Giáo viên	V.07.02.04	3,66			13%	0,475800	1,281000		5,416800	8,071,032			8,071,032	492,987	92,435	61,623		647,046	7,423,986	
7		Nguyễn Thị Ngọc Loan	Giáo viên	V.07.02.26	4,89			24%	1,173600	1,711500		7,775100	11,584,899			11,584,899	722,781	135,521	90,348		948,650	10,636,249	
8		Ngô Thị Tuyết Nhung	Giáo viên	V.07.02.26	4,58			23%	1,053400	1,603000		7,236400	10,782,236			10,782,236	671,501	125,906	83,938		881,345	9,900,891	
9		Nguyễn Thị Mát	Giáo viên	V.07.02.26	4,58			22%	1,007600	1,603000		7,190600	10,713,994			10,713,994	666,042	124,883	83,255		874,180	9,839,814	
10		Nguyễn Ngọc Linh	Giáo viên	V.07.02.26	3,96			19%	0,752400	1,386000		6,098400	9,086,616			9,086,616	561,718	105,522	70,215		737,255	8,349,361	
11		Hà Thị Kiều	Tổ trưởng	V.07.02.26	3,96	0,20		18%	0,748800	1,456000		6,364800	9,483,552			9,483,552	585,129	109,712	73,141		767,982	8,715,570	
12		Nguyễn Thị Lan Phương	Giáo viên	V.07.02.26	3,65			17%	0,620500	1,277500		5,548000	8,266,520			8,266,520	509,044	95,446	63,630		668,120	7,598,400	
13		Nguyễn Thanh Thủy	Giáo viên	V.07.02.26	3,65	0,20		17%	0,654500	1,347500		5,548000	8,266,520			8,266,520	509,044	95,446	63,630		668,120	7,598,400	
14		Nguyễn Thị Lê	Giáo viên	V.07.02.26	3,65			17%	0,620500	1,277500		5,475000	8,157,750			8,157,750	500,342	93,814	62,543		656,699	7,501,051	
15		Trần Thị Phương Nga	Giáo viên	V.07.02.26	3,65			15%	0,547500	1,277500		5,043400	7,514,666			7,514,666	461,828	86,593	57,729		606,150	6,908,516	
16		Đỗ Thị Thủy	Giáo viên	V.07.02.26	3,34			16%	0,534400	1,169000		4,909800	7,315,602			7,315,602	445,903	83,607	55,738		585,248	6,730,354	
17		Trang Thị Tú Anh	Giáo viên	V.07.02.26	3,34			12%	0,400800	1,169000		4,54100	6,636,609			6,636,609	404,517	75,847	50,565		530,929	6,105,680	
18		Trần Phạm Thu Hà	Giáo viên	V.07.02.26	3,03			12%	0,363600	1,060500		4,454100	6,315,602			6,315,602	445,903	83,607	55,738		585,248	6,730,354	
19		Võ Minh Hùng	Giáo viên	V.07.02.26	3,34			12%	0,400800	1,169000		4,909800	7,315,602			7,315,602	445,903	83,607	55,738		585,248	6,730,354	
20		Lê Ngọc Lê	Giáo viên	V.07.02.26	3,03			9%	0,272700	1,060500		4,363200	6,501,168			6,501,168	393,682	73,815	49,210		516,707	5,984,461	
21		Nguyễn Thái Ngân	Giáo viên	V.07.02.26	3,65			15%	0,547500	1,277500		5,475000	8,157,750			8,157,750	500,342	93,814	62,543		656,699	7,501,051	
22		Lê Thị Thu Huyền	Giáo viên	V.07.02.06	3,34			15%	0,501000	1,169000		5,010000	7,464,900			7,464,900	457,847	85,846	57,231		600,924	6,863,976	
23		Trần Thị Ngọc Diệp	Giáo viên	V.07.02.26	3,65			15%	0,547500	1,277500		5,475000	8,157,750			8,157,750	500,342	93,814	62,543		656,699	7,501,051	
24		Trần Thị Xuân Trang	Giáo viên	V.07.02.06	3,34			14%	0,467600	1,169000		4,976600	7,415,134			7,415,134	453,866	85,100	56,733		595,699	6,819,435	
25		Nguyễn Thị Kiều Anh	Giáo viên	V.07.02.06	2,72			9%	0,244800	0,952000		3,916800	5,836,032			5,836,032	353,404	66,263	44,176		463,843	5,372,189	
26		Nguyễn Như Thư	Giáo viên	V.07.02.26	2,72			6%	0,163200	0,952000		3,835200	5,714,448			5,714,448	343,677	64,440	42,960		451,077	5,263,371	
27		Huỳnh Thị Mỹ Linh	Giáo viên	V.07.02.06	2,41			7%	0,168700	0,843500		3,422200	5,099,078			5,099,078	307,381	57,634	38,423		403,438	4,695,640	
28		Phạm Thị Thu Huệ	Giáo viên	V.07.02.06	2,41			6%	0,144600	0,843500		3,398100	5,063,169			5,063,169	304,508	57,095	38,064		399,667	4,663,502	
29		Nguyễn Ái Trâm	Giáo viên	V.07.02.06	2,1			6%	0,126000	0,735000		2,961000	4,411,890			4,411,890	265,339	49,751	33,167		348,258	4,063,632	
30		Hồ Ngọc Lan Thanh	Giáo viên	V.07.02.06	2,26					0,791000		3,051000	4,545,990			4,545,990	269,392	50,511	33,674		353,577	4,192,413	
31		Nguyễn Thị Hiệp	Giáo viên	V.07.02.06	2,1					0,735000		2,835000	4,224,150			4,224,150	250,320	46,935	31,290		328,545	3,895,605	
32		Võ Thị Kim Phụng	Giáo viên	V.07.02.06	2,1					0,735000		2,835000	4,224,150			4,224,150	250,320	46,935	31,290		328,545	3,895,605	
33		Bùi Ngọc Kiều Vân	Giáo viên	V.07.02.06	2,1					0,735000		2,835000	4,224,150			4,224,150	250,320	46,935	31,290		328,545	3,895,605	

SỐ TT	chức công viên chức	Họ và tên	Cấp bậc, chức vụ	Mã số ngạch lương	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Hệ số PC khác					Công hệ số	Thành tiền	việc không được hưởng lương	BHXH trả thay lương	Tổng cộng tiền lương và BHXH được hưởng	8% BHXH	1,5% BHYT	1% BHTN	Thuế thu nhập	Cộng	số tiền còn được nhận	KÝ NHẬN
							Phụ cấp vượt khung	% PC thâm niên nhà giáo	Phụ cấp thâm niên nhà giáo	PC ưu đãi	PC trách nhiệm												
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=8+9+10	13	14	15	16	17=12+13+14	18=11-16	G
34		Lê Thị Vẽ	Giáo viên	V.07.02.06	0					0,735000		0,735000	1.095.150			1.095.150	-	-	-		0	1.095.150	TS T05
35		Trần Nguyễn Phương Trâm	Giáo viên	V.07.02.06	2,1					0,735000		2,835000	4.224.150			4.224.150	250.320	46.935	31.290		328.545	3.895.605	
36		Đỗ Nguyễn Ngọc Uyên	Giáo viên	V07.02.26	4,27		20%	0,854000		1,494500		6,618500	9.861.565			9.861.565	610.781	114.521	76.348		801.650	9.059.915	
37		Lâm Hoàng Anh	Giáo viên	V07.02.26	2,1					0,735000		2,835000	4.224.150			4.224.150	250.320	46.935	31.290		328.545	3.895.605	
38		Châu Mộng Thủy	Kế toán	06.032	3,65	0,20					0,100000	3,950000	5.885.500			5.885.500	458.920	86.048	57.365		602.333	5.283.168	
TỔNG CỘNG					126,64	2,20	0,00		19,090100	44,481500	0,100000	192,511600	286.842.284			286.842.284	17.633.268	3.306.238	2.204.158		23.143.664	263.698.620	

Tổng số tiền : Hai trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm hai mươi đồng

KẾ TOÁN

CHẤU MỘNG THỦY

Thuyết minh



STT		Hệ số lương tháng trước	Hệ số lương tháng này	Chênh lệch	Thành tiền tăng (+), giảm (-)				Số tiền chênh lệch	Ghi chú
					LƯƠNG	PCVK	PCCV	PCTNNG	PCUD	
	Giảm				922.727	-	-	59.087	338.506	1.320.320
1	Huỳnh Thị Mỹ Linh	3,49	3,42	0,07	61.358			7.405	105.790	Chuyển xếp lương theo QĐ 7580/QĐ-UBND ngày 28/06/2023
2	Phạm Thị Thu Huệ	3,47	3,40	0,07	105.045			6.303	36.766	Chuyển xếp lương theo QĐ 7581/QĐ-UBND ngày 28/06/2023
3	Nguyễn Ái Trâm	3,47	2,96	0,51	756.324			45.379	264.713	Chuyển xếp lương theo QĐ 7582/QĐ-UBND ngày 28/06/2023
	Tăng				573.912	-	298.000	420.722	274.100	1.566.735
1	Nguyễn Thị Bích Hạnh	6,33	6,37	0,04				62.431		Nâng TNNG theo QĐ 308/QĐ-MNTH2 ngày 05/09/2023
2	Phạm Thủy Ngân	5,38	5,42	0,04				54.534		Nâng TNNG theo QĐ 309/QĐ-MNTH2 ngày 05/09/2023
3	Trang Thị Tú Anh	4,88	4,91	0,03				49.766		Nâng TNNG theo QĐ 310/QĐ-MNTH2 ngày 05/09/2023
4	Trần Phạm Thu Hà	4,42	4,45	0,03				45.147		Nâng TNNG theo QĐ 311/QĐ-MNTH2 ngày 05/09/2023
5	Võ Minh Hùng	4,88	4,91	0,03				49.766		Nâng TNNG theo QĐ 312/QĐ-MNTH2 ngày 05/09/2023
6	Lê Ngọc Lê	4,33	4,36	0,03				45.147		Nâng TNNG theo QĐ 313/QĐ-MNTH2 ngày 05/09/2023
7	Nguyễn Thanh Thủy	5,55	5,85	0,30			298.000	50.660	104.300	Tăng PCCV theo QĐ 273/QĐ-MNTH2 ngày 25/08/2023
8	Lê Thị Thu Huyền	4,89	5,01	0,12	89.400			26.820	62.580	Chuyển xếp lương theo QĐ 7577/QĐ-UBND ngày 28/06/2023
9	Trần Thị Xuân Trang	4,86	4,98	0,12	90.580			24.865	62.163	Chuyển xếp lương theo QĐ 7578/QĐ-UBND ngày 28/06/2023
10	Nguyễn Thị Kiều Anh	3,83	3,92	0,09	72.092			11.586	45.058	Chuyển xếp lương theo QĐ 7579/QĐ-UBND ngày 28/06/2023
11	Nguyễn Thị Hiệp	2,78	2,84	0,05	80.460					Chuyển xếp lương theo QĐ 7583/QĐ-UBND ngày 28/06/2024
12	Võ Thị Kim Phụng	2,78	2,84	0,05	80.460					Chuyển xếp lương theo QĐ 7584/QĐ-UBND ngày 28/06/2024
13	Bùi Ngọc Kiều Vân	2,78	2,84	0,05	80.460					Chuyển xếp lương theo QĐ 7585/QĐ-UBND ngày 28/06/2024
14	Trần Nguyễn Phương Trâm	2,78	2,84	0,05	80.460					Chuyển xếp lương theo QĐ 7587/QĐ-UBND ngày 28/06/2025
TỔNG CỘNG					(348.815)	-	298.000	361.635	(64.405)	246.415

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON TÂN THÔNG HỘI 2
Bộ phận: Kế toán
Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách: 1038711

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG THUẾ MUỐN NGOÀI (HĐNĐ111)
Tháng 9/2023

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương và BHXH được hưởng	Các khoản trừ vào lương			Số tiền 1 tháng	Số tháng	Thành tiền	Ký nhận	Ghi chú
				BHXH 8%	BHYT 1,5%	BHTN 1%					
1	Trang Sử Nhon	Nhân viên bảo vệ	4.989.400	399.152	74.841	49.894	4.465.513	1	4.465.513		HĐNĐ68
2	Trần Hồng Huê	Nhân viên bảo vệ	6.690.000	535.200	100.350	66.900	5.987.550	1	5.987.550		HĐNĐ68
3	Nguyễn Hoàng Phúc	Nhân viên phục vụ	5.077.800	406.224	76.167	50.778	4.544.631	1	4.544.631		HĐNĐ68
4	Phạm Văn Hường	Nhân viên phục vụ	4.680.000	374.400	70.200	46.800	4.188.600	1	4.188.600		HĐNĐ68
	TỔNG CỘNG		21.437.200	1.714.976	321.558	214.372	19.186.294		19.186.294		

Số tiền bằng chữ : Mười chín triệu một trăm tám mươi sáu ngàn hai trăm chín mươi bốn đồng

Kế toán

Châu Mộng Thùy

Củ Chi, Ngày 05 tháng 9 năm 2023

TRƯỜNG ĐƠN VỊ



Lưu Thị Thu Thủy